

Bản án số 173/2024/DS-PT

Ngày: 30/12/2024.

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Bản.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Quế, ông Hoàng Văn Giang

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Các ngày 25, 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2024/TLPT - DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo của bị đơn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự;

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1972; địa chỉ: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Hoàng Văn B, sinh năm: 1964; địa chỉ: tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Tạ Thị H, sinh năm: 1974; địa chỉ: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo tài liệu có trong hồ sơ cũng như bản án sơ thẩm :**

**Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:** Do có quan hệ quen biết nên trong năm 2023 ông Hoàng Văn B nhiều lần đến nhà hỏi vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Tạ Thị H, mỗi lần vay ông B đều hẹn khoảng 1 tuần sau sẽ trả. Cụ thể các lần ông B vay tiền như sau:

Lần 1: Ngày 02/6/2023, ông B vay của ông M 60.000.000 đồng;  
Lần 2: Ngày 03/6/2023, ông B vay của ông M 30.000.000 đồng;  
Lần 3: Ngày 12/8/2023, ông B vay của ông M 100.000.000 đồng;  
Lần 4: Ngày 11/9/2023, ông B vay của ông M 6.000.000 đồng;  
Lần 5: Ngày 12/9/2023, ông B vay của ông M 6.000.000 đồng;  
Lần 6: Ngày 14/9/2023, ông B vay của ông M 220.000.000 đồng;  
Lần 7: Ngày 14/9/2023, ông B vay thêm của ông M 6.000.000 đồng;  
Tổng số tiền ông B đã vay của vợ chồng ông M là 428.000.000 đồng.  
Về lãi suất, hai bên thoả thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng.

Mỗi lần vay tiền ông B đều tự tay viết giấy biên nhận vay tiền, ký xác nhận nội dung vay. Tuy nhiên, trong các giấy vay không ghi rõ thoả thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ; Khi trả nợ ông B đến nhà ông M và tự hủy các giấy vay nợ.

Khi đến hạn trả nợ, ông B không thực hiện việc trả nợ theo thoả thuận trước đó. Sau đó, ông B đã đề nghị chuyển số tiền phùng của ông B đã đóng trong một dây phùng cho ông M chơi tiếp để gán nợ. Ông B đã đóng được 18 suất phùng, mỗi suất 3.000.000 đồng, tổng số tiền ông B đã đóng là 54.000.000 đồng, ông M đóng tiền nối tiếp suất của ông B thì đến khi lấy phùng sẽ được hưởng chênh lệch mỗi suất là 500.000 đồng. Do vậy, hai bên thoả thuận số tiền phùng mà ông B dùng để gán nợ cho ông M là 63.000.000 đồng. Ngoài ra, khoảng tháng 5/2024 ông B tiếp tục trả nợ cho vợ chồng ông M số tiền 10.000.000 đồng. Ông M xác định ông B đã trả cho vợ chồng số tiền 73.000.000 đồng nợ gốc, chưa trả được khoản tiền lãi nào.

Mặc dù ông M đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông B vẫn không thanh toán số tiền nợ đã vay. Do vậy, ông M yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Phố Yên buộc ông B phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 355.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định.

**Bị đơn ông Hoàng Văn B trình bày:** Ông B biết ông M là người chuyên cho vay lãi, nên trước đây từ khoảng năm 2018, ông B đã nhiều lần vay tiền của ông M, có nhiều mã đã trả xong nhưng vẫn còn một số mã chưa trả hết. Mỗi lần vay tiền ông là người tự tay trực tiếp viết giấy biên nhận vay tiền và ký xác nhận. Ông B xác định đến thời điểm hiện tại chỉ còn nợ ông M 220.000.000 đồng tiền nợ gốc. Khoản vay này ông B vay của ông M vào ngày 14/9/2023, lãi suất hai bên thoả thuận bằng miệng là 8.000 đồng/1 triệu đồng/ngày, thời hạn trả nợ các bên không thoả thuận. Sau khi vay, ông B đã trả lãi cho ông M số tiền 73.000.000 đồng, trong đó có 63.000.000 đồng là tiền chơi phùng ông B chuyển sang cho ông M, 10.000.000 đồng ông B chuyển khoản cho bà Tạ Thị H là vợ của ông M vào tháng 5/2024.

Đối với các mã nợ còn lại ông B xác định đã trả xong cho ông M nhưng do sơ xuất nên đã không hủy các giấy biên nhận vay tiền.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị H trình bày:** Khoảng năm 2023, ông B đã nhiều lần đến gặp vợ chồng bà hỏi vay tiền, tổng số

tiền ông B vay của vợ chồng bà là 428.000.000 đồng, mỗi lần vay ông B đều tự tay viết giấy biên nhận vay tiền và ký xác nhận. Tuy nhiên, sau đó ông B không trả nợ đúng hẹn, vợ chồng bà nhiều lần yêu cầu ông B trả nợ thì ông B đã gán 18 suất phưởng mà ông B đã đóng để trả nợ cho vợ chồng bà và một lần chuyển khoản trả nợ cho bà số tiền 10.000.000 đồng tổng số tiền ông B đã trả cho vợ chồng bà đến ngày xét xử sơ thẩm là 73.000.000đ. Tổng số tiền ông B còn nợ lại và yêu cầu cấp sơ thẩm giải quyết là 355.000.000 đồng.

**Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 25/2024/DS- ST ngày 25/7/2024 của tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M: Buộc ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Tạ Thị H số tiền nợ gốc 355.000.000 đồng và lãi phát sinh 10%/năm/số tiền nợ gốc chưa trả tính từ ngày 25/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngay sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Hoàng Văn B kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền gốc và lãi phải trả cho ông Nguyễn Văn M và chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền 147.000.000đ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Hoàng Văn B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, sau khi tóm tắt nội dung cũng như phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên .

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Hoàng Văn B kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng: Cùng với đơn kháng cáo bị đơn nộp bản sao kê chi tiết giao dịch của ngân hàng TMCP C tên khách hàng Hoàng Văn B số tài khoản 190869366967 (*Bút lục từ 79 đến 104*) nội dung thể hiện từ ngày 14/3/2023 đến ngày 17/9/2023 đã giao dịch với nhiều tài khoản trong đó có tài khoản 101867581727 của bà Tạ Thị H là vợ của ông Nguyễn Văn M. Bà H công nhận trong khoảng thời gian này bà cũng nhận được số tiền như ông B chuyển khoản trả tiền vợ chồng bà, nhưng đó là số tiền mà ông B trả cho các khoản vay từ trước đã được xóa sổ (gạch chéo vào các giấy vay nợ) có sự chứng kiến của phía ông B chứ không phải trả cho khoản vay đang có tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông M đã giao nộp một tập giấy biên nhận vay tiền bản phô tô có gạch chéo, người vay tiền ký tên Hoàng Văn B đồng thời không yêu cầu tính lãi với số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm; Xét đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Cũng tại phiên tòa các đương sự cũng đã thống nhất bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc 73.000.000đ; Xác định tại các giấy biên nhận vay tiền (*Từ bút lục 32 đến 36*) đều thực hiện vào năm 2023 không có thời hạn vay; Nên Hội đồng xét xử xác định tất cả các giấy vay nợ đang có tranh chấp đều thực hiện vào năm 2023 và là hợp đồng vay nợ không kỳ hạn, không lãi suất.

Như vậy đối chiếu với bản sao kê chi tiết do bị đơn giao nộp thể hiện trong khoảng thời gian từ 14/3/2023 đến ngày 17/9/2023 ông B đã chuyển trả cho bà H 37 mã tổng số tiền là 350.420.000đ trong đó từ ngày 21/6/2023 đến ngày 17/9/2023 22 mã với số tiền là 209.800.000 (*Đây là khoảng thời gian các đương sự bắt đầu thực hiện giao dịch các khoản tiền đang có tranh chấp*) tất cả các mã chuyển nhận tiền đều không có nội dung cụ thể.

Xét tại các giấy vay nợ từ 02/6/2023 đến 14/9/2023 được lưu giữ trong hồ sơ ông M cho ông B vay 428.000.000 (*02/6 vay 60 triệu; 03/6 vay 30 triệu; 12/8 vay 100 triệu; 11/9 vay 06 triệu; 12/6 vay 06 triệu; ngày 14/9 vay 226 triệu*); Như vậy trước ngày 12/8/2023 các bên mới cho nhau vay 90 triệu đồng, nhưng theo bản kê chi tiết thì từ ngày 21/6 đến 30/7 phía ông B đã trả cho vợ chồng ông M số tiền 197 triệu là mâu thuẫn không phù hợp (*số tiền chuyển trả lớn hơn nhiều số tiền cho vay*); cũng tại phiên tòa phía ông B còn cho rằng khi chuyển trả tiền cho ông M bà H những khoản vay hiện đang có tranh chấp, ông B đã không quay lại nhà ông M để hủy các giấy vay mà trước đó đã tự mình viết mà hiện ông M đang quản lý là không có căn cứ bởi đó là trách nhiệm cũng như quyền lợi chính đáng của chính bản thân mình đối với khoản vay nợ.

Với phân tích như trên chưa đủ căn cứ xác định khoản tiền ông Hoàng Văn B chuyển khoản tại ngân hàng từ ngày 21/6/2023 đến 17/9/2023 để trả vợ chồng

ông M bà H là khoản tiền trả cho các khoản vay mà các bên đang có tranh chấp; Tòa cấp sơ thẩm đã buộc ông Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Tạ Thị H số tiền nợ gốc 355.000.000 đồng và lãi phát sinh 10%/năm/số tiền nợ gốc chưa trả tính từ ngày 25/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ.

Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3]. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148; Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Ghi nhận ông Hoàng Văn B đã nộp 300.000 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001784 ngày 05/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP Phủ Yên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Phủ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Dương Văn Bản**